

Vietnamese bourgeoisie in Nam Ky in the democratic national movement in the years 1919 - 1930

Nguyen Van Phuong^{1,*}, Le Chi Hiep²

¹ Faculty of Social Sciences and Humanities, Quy Nhon University

² Graduate student, course 20, Vietnamese History, Quy Nhon University

Received: 26/03/2019; Accepted: 25/05/2019

ABSTRACT

On the basis of analyzing the maturity steps of Vietnamese bourgeoisie in Nam Ky both in terms of economic status and class consciousness, the article gives an in-dept study about their activities in the democratic national movement in the years 1919 - 1930. The results highlight the contribution, the role of Vietnamese bourgeois in Nam Ky to the transformation of the democratic national movement after 1918, and the process of creating an internal political environment for the spread of Marxism-Leninism, leading to the establishment of the Communist Party of Vietnam in early 1930.

Keywords: *Vietnamese bourgeois, Nam Ky, the democratic national movement.*

**Corresponding author.*

Email: nguyenvanphuong@qnu.edu.vn

Tư sản Việt Nam ở Nam Kỳ trong phong trào dân tộc dân chủ những năm 1919 - 1930

Nguyễn Văn Phương^{1,*}, Lê Chí Hiệp²

¹ Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Quy Nhơn

² Học viên cao học khóa 20; Lớp Cao học Lịch sử Việt Nam, Trường Đại học Quy Nhơn

Ngày nhận bài: 26/03/2019; Ngày nhận đăng: 25/05/2019

TÓM TẮT

Trên cơ sở phân tích sự trưởng thành của tư sản Việt Nam ở Nam Kỳ cả trên phương diện địa vị kinh tế lẫn ý thức giai cấp, nội dung bài viết đi sâu tìm hiểu hoạt động của họ trong phong trào dân tộc dân chủ những năm 1919 - 1930. Từ đó, nêu bật những đóng góp, vai trò của tư sản Việt Nam ở Nam Kỳ đối với bước chuyển biến của phong trào dân tộc dân chủ sau năm 1918 và quá trình tạo lập môi trường chính trị bên trong cho sự truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin, dẫn tới thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam đầu năm 1930.

Từ khóa: Tư sản Việt Nam, Nam Kỳ, phong trào dân tộc dân chủ.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong những năm 1919 - 1930, dưới tác động thuận chiều của lịch sử, hoạt động của tư sản Việt Nam ở Nam Kỳ có bước chuyển biến mới so với thời kỳ từ đầu thế kỷ XX đến năm 1918. Sự chuyển biến trong hoạt động của tư sản Việt Nam ở Nam Kỳ trước hết thể hiện ở mức độ tích lũy tư bản, mở rộng cơ sở sản xuất, tham gia nhiều lĩnh vực kinh doanh, trong đó có những ngành công nghiệp quan trọng. Nhiều công ty, xí nghiệp mới có quy mô, số vốn lớn được thành lập. Chưa bao giờ tư sản Việt Nam ở Nam Kỳ lại có bước trưởng thành nhanh chóng về hoạt động sản xuất kinh doanh như thời kỳ này. Với sự trưởng thành đó, vị thế kinh tế của bộ phận tư sản Việt Nam ở Nam Kỳ cũng được nâng lên rõ rệt, góp phần quan trọng vào sự hình thành và phát triển thành phần kinh tế tư bản dân tộc ở khu vực này. Cùng với đó, ý thức giai cấp của bộ phận tư sản Việt Nam ở Nam Kỳ cũng nảy sinh, hoạt động của họ trong phong trào dân tộc dân

chủ vì thế có nhiều khởi sắc hơn trước. Họ lên tiếng và có những hành động đấu tranh khá quyết liệt nhằm bảo vệ quyền lợi giai cấp mình về kinh tế và đòi địa vị về chính trị tương xứng trong xã hội. Tất cả những hoạt động của họ góp phần không nhỏ vào bước chuyển biến của phong trào dân tộc dân chủ ở khu vực Nam Kỳ nói riêng và cả nước nói chung, tạo lập môi trường chính trị bên trong cho hoạt động truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam, đồng thời thúc đẩy các điều kiện thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam đi đến chín muồi.

2. NỘI DUNG

2.1. Sự trưởng thành của tư sản Việt Nam ở Nam Kỳ những năm 1919 - 1930

Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918), tư sản Việt Nam ở Nam Kỳ vươn lên nhanh chóng, trở thành bộ phận người có địa vị kinh tế trong xã hội. Sự trưởng thành của tư sản Việt Nam ở Nam Kỳ trong những năm

* Tác giả liên hệ chính.

Email: nguyenvanphuong@qnu.edu.vn

1919 - 1930 thể hiện trên hai khía cạnh: thể lực kinh tế và ý thức giai cấp.

Về thể lực kinh tế, trước và trong Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918), tư sản Việt Nam có thể lực kinh tế không đáng kể trong tổng thể nền kinh tế khu vực Nam Kỳ. Tư sản Việt Nam ở Nam Kỳ cũng muốn vươn lên mở rộng phạm vi kinh doanh, nhưng trước sự chèn ép, cản trở của tư sản Pháp; cộng với qui mô sản xuất trong những xí nghiệp chỉ có vài chục công nhân, trình độ kỹ thuật thấp kém thì việc đặt chân vào kinh doanh trong những ngành công nghiệp hiện đại càng khó khăn gấp bội. Điều đó lý giải vì sao, ở Nam Kỳ trước năm 1918 không có những đại tư sản, thương nhân lớn, tầm cỡ. Hơn nữa, địa vị kinh tế của họ cũng rất non yếu. Hàng hóa trên thị trường nếu không phải hàng ngoại hóa nhập cảng thì cũng là hàng của tư sản Pháp hay của tư sản Hoa kiều ở Việt Nam sản xuất ra. Đó là chưa kể phần lớn hàng tiêu dùng do thợ thủ công sản xuất. Nói về địa vị của những người sản xuất hàng hóa ở Việt Nam trên thị trường, các sĩ phu Duy Tân từng thốt ra: *“của báu núi rừng ta không được hưởng nguồn lợi, trăm thứ hàng hóa ta không nắm được lợi quyền. Cho đến các hàng vóc, nhiều, nhưng, len, vải, giày, dép, khăn tay, mực kính, dù che, dầu hỏa, ống nôi, kính hiển vi, kính ảnh, bút Tàu, kim chỉ, khay cốc, phẩm nhuộm, xà phòng, diêm, bánh sữa, thuốc bắc, thuốc lá, rượu, chè... không mua của Tàu thì cũng mua của Tây cả”*¹. Còn việc buôn bán xuất nhập cảng, tuy đã có một số cơ sở buôn hàng đi khắp trong Nam, ngoài Bắc, nhưng hoạt động của họ chỉ mới bước đầu, chiếm tỷ lệ nhỏ trong tỷ trọng xuất nhập khẩu thời bấy giờ. Sự yếu đuối đó của tư sản Việt ở Nam Kỳ còn thể hiện ở chỗ không những nó chưa đủ sức lực đấu tranh với tư sản ngoại quốc, mà còn tỏ lòng ước vọng học tập kỹ nghệ của tư sản Pháp.

Từ sau khi Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918) kết thúc, thể lực kinh tế của tư sản người Việt ở Nam Kỳ không ngừng tăng lên hơn so với trước. Thể hiện ở việc tư sản Việt Nam ở Nam Kỳ tham gia nhiều lĩnh vực kinh doanh hơn, trong đó có cả những ngành quan trọng; sự mở

rộng cơ sở sản xuất, tăng cường hoạt động kinh doanh và tích lũy tư bản. Nhờ tích cực hoạt động sản xuất kinh doanh mà tư sản Việt Nam ở Nam Kỳ đẩy nhanh quá trình tích lũy tư bản. Số vốn tăng lên nhanh chóng, một số cơ sở sản xuất có số vốn lên đến hàng trăm ngàn đồng. Lợi nhuận tăng, tích lũy tư bản lớn hơn nên tư sản Việt Nam ở Nam Kỳ có điều kiện tái đầu tư mở rộng cơ sở sản xuất, quy mô kinh doanh và tăng khả năng cạnh tranh với tư sản nước ngoài. Sản xuất kinh doanh của những công ty này không chỉ dừng lại ở một mặt hàng mà rất nhiều loại khác nhau. Đặc biệt, kỹ thuật sản xuất được chú trọng bằng việc đầu tư mua máy móc hiện đại đưa vào sản xuất kinh doanh. Nhờ thế tư sản Việt Nam ở Nam Kỳ không chỉ tăng lên nhanh chóng về số lượng, mà còn gia tăng thể lực kinh tế trong sự so sánh với tư sản Pháp và tư sản Hoa kiều.

Về ý thức giai cấp, sự gia tăng về thể lực kinh tế của tư sản người Việt Nam ở Nam Kỳ đã khẳng định họ có một địa vị kinh tế riêng trong nền kinh tế của khu vực. Cùng lúc này, bộ phận kinh tế của tư sản Việt Nam ở Nam Kỳ bắt đầu mâu thuẫn với bộ phận kinh tế khác kìm hãm nó phát triển. Và như thế, ý thức giác ngộ giai cấp và ý thức dân tộc của họ cũng nảy sinh. Ý thức giai cấp của tư sản Việt Nam ở Nam Kỳ thể hiện cả trong đấu tranh củng cố, bảo vệ lợi ích kinh tế và đấu tranh đòi quyền lợi, địa vị chính trị - xã hội.

Theo đó, để nâng cao địa vị của mình trên thương trường, đồng thời đối phó với những lực lượng kinh tế khác kìm hãm, tư sản người Việt Nam ở Nam Kỳ dùng nhiều biện pháp mở rộng quan hệ tư bản chủ nghĩa ở khu vực. Trong công cuộc kinh doanh của họ luôn gặp phải sự ngăn cản, chèn ép của thực dân Pháp thông qua những chính sách kinh tế bất hợp lý và thiếu công bằng; sự cạnh tranh có tính “khốc liệt” của tư sản Hoa kiều, nên họ luôn nhận thấy và tỏ rõ sự lo lắng về địa vị kinh tế của mình. Lúc này, họ nhận thức được rằng tính tự phát, thiếu hiệp thương và đoàn kết, tương hỗ lẫn nhau trong kinh doanh sẽ dẫn tới chỗ yếu đi trước sức mạnh kinh tế của người Pháp và người Hoa. Đó là động lực đẩy họ ủng hộ chủ trương tham gia và thành lập các

“hội” với mục đích bảo vệ quyền lợi cho nhau. Đồng thời, tư sản người Việt Nam ở Nam Kỳ còn hưởng ứng lời kêu gọi của tư sản Việt Nam trên cả nước, hô hào và bước vào con đường thực nghiệp để phát triển nền kinh tế tư bản ở khu vực Nam Kỳ. Họ có ý thức cao trong việc dùng hàng nội hóa; sản xuất nhiều mặt hàng thay thế hàng ngoại nhập; đồng thời lên tiếng cổ vũ thực nghiệp trên báo chí, cùng với tư sản Việt Nam trên cả nước đấu tranh bảo vệ quyền lợi cho giới của mình.

Ý thức giai cấp của tư sản Việt Nam ở Nam Kỳ còn thể hiện trong quan hệ của họ đối với tư sản Pháp và các giai tầng khác. Tư sản Pháp và tư sản ngoại quốc khác như tư sản Hoa kiều, Ấn kiều là những thế lực chèn ép và kìm hãm tư sản Việt Nam ở Nam Kỳ, phương thức sản xuất phong kiến cũng là lực cản cho sự phát triển của kinh tế tư bản ở khu vực này. Đặc biệt, từ sau năm 1919, khi tư sản Việt Nam ở Nam Kỳ đang trên đà phát triển thì cũng là lúc tư bản Pháp tăng cường đầu tư vào Việt Nam, nên họ càng nhận thấy rõ chính sách của thực dân Pháp là trở lực lớn trên con đường làm ăn của mình. Và rằng *“đời bây giờ nghề làm ăn chật hẹp, mà người ngoại quốc đến nước ta ngày càng đông, hễ nghề của mình hơi thấy sa sút thì họ thừa cơ mà chiếm lấy”*². Do đó, tư sản Việt Nam ở Nam Kỳ đã phản ứng lại chính sách kinh tế của thực dân Pháp và đòi quyền lợi. Họ đòi giảm thuế, chống lại ý đồ độc quyền của tư sản Pháp. Và hơn thế, tư sản Việt Nam ở Nam Kỳ tập hợp nhau lại trong các đảng phái chính trị, đấu tranh đòi tham gia vào hệ thống chính quyền thực dân, nhằm từ đó lên tiếng bảo vệ lợi ích của giới tư sản bản xứ trong xã hội thuộc địa.

2.2. Hoạt động của tư sản Việt Nam ở Nam Kỳ trong phong trào dân tộc dân chủ những năm 1919 - 1930

2.2.1. Tiến hành cuộc vận động chấn hưng thực nghiệp

Trong Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918), tư bản Pháp có phần nới lỏng thị trường nên tư sản Việt Nam ở Nam Kỳ chớp lấy thời cơ

vàng này để phát triển thực lực kinh tế của mình. Trên đà đó, từ sau năm 1919, bộ phận người này trưởng thành đáng kể về thực lực kinh tế lẫn ý thức giai cấp. Tuy nhiên, khoảng thời gian vàng đó không dài, sự phát đạt của tư sản Việt Nam ở Nam Kỳ rất bấp bênh và đầy nguy cơ, thách thức do chính sách kìm hãm, chèn ép, cạnh tranh từ tư sản Pháp và tư sản ngoại quốc khác. Những nguy cơ, thách thức đó không còn tiềm ẩn đối với tư sản Việt Nam ở Nam Kỳ nữa, đã có một số người bị thua trong cuộc cạnh tranh và dẫn tới phá sản. Vì vậy, để tăng khả năng cạnh tranh, bảo toàn và đẩy mạnh công cuộc sản xuất kinh doanh của mình, tư sản Việt Nam ở Nam Kỳ trỗi dậy, hưởng ứng cuộc vận động chấn hưng thực nghiệp. Hưởng ứng cuộc vận động này, cũng như tư sản ở khu vực khác, tư sản Việt Nam ở Nam Kỳ dùng báo chí của giới tư sản trên cả nước và của khu vực Nam Kỳ để thể hiện quan điểm, chính kiến của mình; giới thiệu những điển hình trong hoạt động kinh doanh và tham gia lập các hội ái hữu, tương tế. Tất cả hướng tới việc làm cho kinh tế nước nhà phát triển, giới công thương mạnh lên và bảo vệ quyền lợi về kinh tế, chính trị cho giai cấp tư sản Việt Nam.

Trong công cuộc kinh doanh của mình từ sau năm 1919, bản thân tư sản Việt Nam ở Nam Kỳ cũng nhận thấy: *“trong thế giới, không nghề gì là không cạnh tranh. Nếu không biết cạnh tranh, không sao sống được ở đời này”*³. Do vậy, họ kêu gọi những người trong giới và toàn thể người Việt mạnh dạn bước vào con đường thực nghiệp để phát triển nền kinh tế đất nước. Họ khẳng định rằng: *“đất bỏ hoang kẻ biết bao nhiêu; lâm sản để đâu cho hết, mỏ vàng, mỏ bạc, mỏ than, mỏ kẽm có thiếu gì. Thật là có của mà chịu ngồi nhìn để đợi người ngoài khai khẩn cho, như thế thì còn gì là lợi mà mong giàu có”*². Theo họ, chấn hưng thực nghiệp chính là biện pháp cơ bản giúp cho bản thân no ấm, đất nước phồn thịnh và văn minh, tạo động lực thúc đẩy các ngành kinh tế khu vực phát triển, giảm sức ép từ sự cạnh tranh bên ngoài. Vì thế phải *“thực nghiệp, thực nghiệp hai chữ đó ta nhớ chớ nên quên vì ta phải dùng hai chữ ấy làm một thứ khí*

*giới thiên liêng để giữ mình khi bước vào con đường tiến hóa mà nó vẫn sẵn lòng đợi ta vậy”.*⁴

Hoạt động chấn hưng thực nghiệp của tư sản Việt Nam tập trung vào những vấn đề cơ bản như đánh giá vai trò của thực nghiệp đối với đất nước, vai trò của từng ngành kinh tế, chấn hưng nội hóa, thành lập các hội công thương. Trong đó, họ quan niệm trước hết gạt bỏ tư tưởng “trọng nông ức thương”, “trọng quan khinh thương”, coi thường thực học và thực nghiệp vốn đã nảy sinh, tồn tại lâu đời trong suy nghĩ của những cư dân nông nghiệp Việt Nam. “*Một số người có tài trí thì không chịu để tâm đến việc khác, chỉ mải vào đường khoa cử, mong giạt được cái giải ông nghè, ông cống để bước lên địa vị quyền cao chức trọng, thỏa cái chí nguyện bình sinh biết sướng lấy thân mình đã*”³. Thậm chí, nhà tư sản Hoàng Văn Ngọc khẳng định: “*nước Đại Việt ta không thể nào tránh khỏi cái phép tiến hóa tự nhiên mà nấp sau cái thành thủ cựu, cứ khăng khăng coi công thương nghiệp kỹ nghệ là mạt. Ông nào có lòng nhiệt thành về thời thế bây giờ nên mau mau ra tòng chinh cuộc chiến tranh kinh tế ở trên dải đất Việt Nam này. Người theo kỹ nghệ, kẻ mở công thương xin chớ có nhầm hai đường ấy*”⁵.

Phát triển công thương nghiệp được xác định là nội dung trọng tâm của thực nghiệp. Vì thế, họ vận động nhiều người bỏ vốn vào thành lập các xí nghiệp, chung cổ phần để tăng tính cạnh tranh. “*Nay không gì bằng các nhà tư bản góp cổ phần lại, dựng ra các xưởng thợ, hoặc xưởng thợ khảm, xưởng thợ thêu, xưởng thợ đan, xưởng thợ dệt, xưởng thợ đúc... Mỗi xưởng lại đặt ra người đốc công để trông coi thợ thuyền và kiểm soát những vật chế tạo*”⁶.

Hưởng ứng lời kêu gọi “thực nghiệp”, nhiều tư sản Việt Nam ở Nam Kỳ và ngay cả những người chưa phải là tư sản, đã hăng hái góp vốn vào những công ty, hội buôn được lập ra từ trước và hùn vốn chung nhau lập nên những công ty, hãng buôn mới. Năm 1919, An Nam thương cuộc công ty được thành lập ở Rạch Giá, với số vốn 100 ngàn đồng. Ngành kinh doanh của công ty này chủ yếu ở lĩnh vực xây dựng kho

tàng, mua sắm các phương tiện vận tải. Công ty có sự góp vốn của nhiều sĩ phu, công chức và tư sản như Nguyễn Chánh Sắt, Nguyễn Bá Phước, Lê Tấn Lợi, Lê Văn Trung... Liên đoàn Thương mại Kỹ nghệ Rạch Giá chuyên buôn lúa và các mặt hàng nhu yếu phẩm thành lập năm 1927, có vốn ban đầu 12 ngàn đồng, với sự hùn vốn của Cao Thiệu Toan, Trần Quan Chun, Lê Bửu Giám, Trần Quang Huân, Lục Phước Lang, Tạ Văn Mến, Hồ Tiến Nghi, Dương Quan Thịnh.

Tư sản Việt Nam ở Nam Kỳ cũng nhận thấy phải lập và tham gia các hội công thương, tập hợp nhau lại nhằm tăng sức cạnh tranh trên thị trường, bảo vệ lợi ích giai cấp, đoạt lại các quyền lợi kinh tế từ tay tư sản nước ngoài và hỗ trợ nhau trong công cuộc kinh doanh. Trên tinh thần đó, Nam Kỳ thương mại kỹ nghệ xã hội được thành lập, tập hợp nhiều nhà công thương nghiệp như Nguyễn Văn Cửa, Trần Quang Nghiêm, Nguyễn Đắc, Nguyễn Văn Hội, Huỳnh Văn Nhung, Bùi Văn Gio, Trần Văn Hiệp... Mục đích của Hội được ghi rõ trong điều lệ: “*Giữ gìn cho nhau sự giao thiệp trong cuộc thương mại và bằng bói. Chịu đựng với nhau và giúp đỡ cho nhau trong cuộc thương mại và kỹ nghệ. Nong trí người An-nam chuyên về đường thương mại và kỹ nghệ, dùi dốt và giúp đỡ người An-nam bởi lời khuyên khích và sự nong trí khi người An-nam mới lập tiệm buôn*”⁴.

Để hưởng ứng cuộc vận động thực nghiệp, tư sản người Việt ở Nam Kỳ xem việc sử dụng báo chí và đưa sản phẩm hàng hóa tham gia hội chợ triển lãm như là những phương tiện, biện pháp quan trọng để kêu gọi người dân ưu tiên dùng hàng nội hóa, phổ biến kinh nghiệm kinh doanh và kêu gọi đoàn kết, tương trợ lẫn nhau trong công cuộc cạnh tranh với tư sản ngoại quốc. Bởi theo họ, thái độ của người tiêu dùng đối với hàng nội hóa được coi là nhân tố quyết định thành bại của các công ty. Do đó, “*sự buôn bán cần nhất cái tên hiệu của mình, các hóa vật của hãng mình, có tiếng lan rộng đi khắp nơi, xa gần đâu đâu cũng biết, ai ai cũng nhớ. Như thế thì mới có thể tiêu thụ được nhiều hàng hóa, sự buôn bán mới có cơ chống hưng thịnh*

được”³. Và rằng: “*cái mục đích của hội đồng hội chợ sở dĩ muốn cho người ngoại quốc đến dự cuộc không những cốt để rộng đường mậu dịch mà còn để khuyến khích cho người mình được trông rộng nhìn xa, biết đường mà chấn hưng thực nghiệp của mình để cạnh tranh với người ta trong trường sinh hoạt, cho thoát khỏi cái vòng kém thua*”.³

Theo đó, tư sản người Việt ở Nam Kỳ sử dụng các tờ báo của giới mình, các tờ báo ở khu vực và trên cả nước như Thực nghiệp dân báo, Khai hóa nhật báo, Lục tỉnh tân văn, Nông cổ mín đàm, Phụ nữ tân văn..., thậm chí cả báo chí của người Pháp và chính quyền thực dân để quảng cáo cho thương hiệu và sản phẩm của mình.

Hoạt động thực nghiệp của tư sản Việt Nam ở Nam Kỳ đạt được một số kết quả đáng ghi nhận, góp phần vào thành quả chung của phong trào thực nghiệp do giai cấp tư sản Việt Nam phát động. Đó là mở rộng các cơ sở kinh tế của người Việt, đời sống của một bộ phận cư dân được cải thiện đáng kể, số lượng các nhà tư sản có thể lực ở Nam Kỳ tăng lên, tinh thần trọng thương thâm sâu vào quan niệm của các tầng lớp xã hội, tư duy kinh tế của tư sản Việt Nam ở Nam Kỳ phát triển hơn. Tất cả những điều đó thúc đẩy bộ phận kinh tế tư bản chủ nghĩa xuất hiện và phát triển ở khu vực Nam Kỳ, đẩy lùi kinh tế phong kiến ra phía sau.

2.2.2. Đấu tranh bảo vệ lợi ích kinh tế

Trên bước đường phát triển của mình, một trong những lực cản lớn nhất của tư sản Việt Nam nói chung và tư sản Việt Nam ở Nam Kỳ nói riêng chính là sự cạnh tranh của tư sản Hoa kiều, Ấn kiều. Sự cạnh tranh gay gắt của các thế lực “khách trú” làm cho lực lượng tư sản Việt Nam mới hình thành ở Nam Kỳ gặp nhiều khó khăn, do đó họ tỏ ra bức xúc. Thực tiễn này thể hiện rõ trong cuộc vận động tranh thương trên tờ báo Nông cổ mín đàm ngay từ khi tờ báo này mới xuất bản. Tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp càng làm cho mâu thuẫn này gia tăng, biến thành một cuộc xung đột lợi ích trên thực tế.

Tháng 8/1919, vụ việc một số cửa hàng cà phê của Hoa kiều ở Sài Gòn tự ý tăng giá và có thái độ miệt thị đối với khách hàng người Việt đã thổi bùng lên phong trào “Tẩy chay khách trú” ở Nam Kỳ. Phong trào bắt đầu bằng hiện tượng giới thương nhân Việt Nam tự mở quán cà phê và hô hào người Việt không vào quán của Hoa kiều; sau đó, phong trào lan rộng ra nhiều lĩnh vực khác, kêu gọi không tiêu thụ hàng hóa của Hoa kiều, đồng thời, đẩy mạnh các hoạt động kinh tế của người Việt Nam nhằm cạnh tranh với công cuộc kinh doanh của Hoa kiều.

Ngày 1/8/1919, báo Lục tỉnh tân văn số 658 đăng bài “Khách trú khi ta” của Đoàn Võ Cạng. Nội dung bài báo viết: *Cuộc thương mại ở xứ ta xưa nay Chệc (Hoa kiều), Chà (Ấn kiều) nó choán hết... Từ ngày Âu châu nổi cơn khời lửa đến nay, Chệc cứ lấy nể đó mà tăng giá hàng hóa lên hoài, Annam cứ cong lưng chịu mãi, chớ biết làm sao... Như mới đầu tháng Tám tây đây, khi không nó rủ nhau tăng giá cà phê bằng hai khi trước... Vậy thì ta phải làm sao cho Chệc biết ta ngày nay đã có đoàn thể nhau cho khời nó áp chế nữa... hãy đồng lòng nhau noi gương mà tẩy chay Chệc một món đồ ăn điểm tâm là cà phê, cháo, bánh, thử coi cóặng không?*⁷. Tiếp đó, trên báo Lục tỉnh tân văn đăng bài viết “Khách trú thị nhục ta - đồng bang mau thức dậy” của Mộng Huê Lầu. Nội dung bài báo kêu gọi: “*hãy tẩy chay khách trú đi đồng bang, đồng lòng nhau, hiệp ý nhau, làm cho nên chớ có làm mưa mùa mà mang điều, mang tiếng cười chê, cười ta, chê ta, nhục nòi giống ta, nước Đông hải rủa như không sạch*”.⁸

Báo Nông cổ mín đàm cũng đăng nhiều bài vận động tẩy chay khách trú. Trong một bài viết đăng trên số 127 (1919), Nguyễn Chánh Sắt phân tích: “*nếu nay mà chúng ta muốn làm cho cái cơ sở của khách trú lung lay, cho họ hết khinh dễ ta, thì chỉ có ba cái vấn đề rất quan trọng hơn hết là phải lập: 1. Nam Kỳ nông nghiệp tương tế tổng cuộc; 2. Nam Việt ngân hàng; 3. Nam Việt luân hoàn công ty (hãng tàu)*”.⁵ Làm như vậy với mục đích gom hết lúa gạo của Nam Kỳ về một mối, hỗ trợ vốn cho những đại thương gia

và điền chủ, mua sắm tàu vận tải hàng hóa và hành khách, từ đó mới giành được quyền chủ động trên thương trường, xóa bỏ thế độc quyền của thế lực khách trú.

Trong khi phong trào tẩy chay khách trú đang lên cao, ngày 30/8/1919, tờ báo Tribune Indigène xuất bản ở Sài Gòn đăng bức thư của một thương nhân Hoa kiều ký tên là Lý Thiên gửi các báo ở Nam Kỳ sỉ nhục người Việt Nam và thách đố phong trào tẩy chay. Bức thư đã gây ra sự phẫn nộ trong giới tư sản Việt Nam, từ đó xuất hiện làn sóng chống lại giới chủ Hoa kiều trên quy mô rộng. Từ Sài Gòn, phong trào tẩy chay khách trú lan rộng ra cả nước, đặc biệt là những thành phố tập trung đông Hoa kiều ở Bắc Kỳ như Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định. Họ nêu ra các khẩu hiệu: “*Người An Nam không gánh vàng đi đổ sông Ngơ*”, “*Người An Nam mua bán với người An Nam*”... Những khẩu hiệu này được đăng tải trên nhiều mặt báo, trên đường phố và các khu thương mại sầm uất. Riêng tư sản Việt Nam ở Nam Kỳ kêu gọi thành lập *An Nam Thương cuộc* công ty để cạnh tranh trực tiếp với tư sản Hoa kiều trong việc thu mua và xuất cảng lúa gạo, hoạt động vận tải...; viết bài đăng tải trên báo chí chỉ trích, hạ thấp uy tín các loại hàng hóa của Hoa kiều, đồng thời kêu gọi không mua hàng của khách trú để đảm bảo vệ sinh và giữ gìn sức khỏe.

Mặc dù phong trào không đạt được kết quả như ý muốn bởi sự can thiệp của chính quyền thuộc địa, nhưng nó đã góp phần làm lung lay đáng kể “đế chế hàng Tàu” và thúc đẩy tinh thần trọng thương ở khu vực Nam Kỳ; đánh dấu bước trưởng thành của tư sản Việt Nam ở Nam Kỳ trong cuộc đấu tranh bảo vệ quyền lợi của mình và là tiền đề quan trọng cho sự phát triển của phong trào yêu nước của nhân dân Nam Kỳ sau này. Đánh giá ý nghĩa sự kiện này, báo cáo chính trị của Phủ Toàn quyền Đông Dương năm 1919 viết: “*Phong trào tẩy chay xảy ra ở Sài Gòn này tuy rằng quá trớn, nhưng cũng có ý nghĩa rằng tư tưởng đã đổi mới, mới đây ít năm thì người Nam Kỳ chẳng những không thích mà còn sợ cái việc buôn bán, bây giờ họ thấy thương mại là*

quan trọng cho họ và họ cần phải cố gắng trên cái hướng này”.⁹

Khu vực Nam Kỳ có điều kiện tự nhiên thuận lợi cho phát triển ngành nông nghiệp. Sản xuất lúa gạo có giá trị sản lượng lớn nhất cả nước Việt Nam. Trong suốt 30 năm (1909 - 1938), trung bình hàng năm xuất cảng chiếm tới 78,3% tổng giá trị hàng xuất cảng ở Đông Dương. Với chính sách trao đổi không ngang giá, mua rẻ lúa gạo ở Đông Dương và bán giá cao ở các thị trường khác, tư sản Pháp thu lợi nhuận không nhỏ. Đồng thời, biến thương cảng Sài Gòn trở nên quan trọng trong việc xuất khẩu lúa gạo. Tuy nhiên, từ lâu việc xuất cảng lúa gạo hầu hết nằm trong tay một số tư sản Hoa kiều. Hoạt động của tư sản Hoa kiều về lúa gạo hạn chế lợi nhuận của tư sản Pháp và cũng cản trở cho việc thu mua lúa gạo với giá rẻ của họ. Không những thế, sau năm 1919, không ít tư sản Việt Nam ở Nam Kỳ bỏ vốn lập nhà máy, xưởng xay xát và công ty bao mua lúa gạo, cũng tạo nên sự cạnh tranh đáng kể đối với tư sản Pháp. Đứng trước tình hình đó, năm 1923, một công ty của Pháp có tên Homberg vận động để được bao thầu việc xuất cảng lúa gạo ở cảng Sài Gòn trong thời hạn 20 năm, nghĩa là muốn nắm độc quyền việc xuất cảng lúa gạo ở Nam Kỳ. Việc này được đem ra thảo luận và quyết định bởi Hội đồng Quản hạt Nam Kỳ.

Khi Hội đồng quản hạt Nam Kỳ đem ra thảo luận vấn đề này, giới tư sản Việt Nam ở Nam Kỳ tỏ thái độ phản đối kịch liệt. Lập trường của họ thể hiện rõ trên báo chí. Họ cho rằng tư sản Hoa kiều còn nắm khá nhiều trong việc xuất cảng lúa gạo, nhưng đó là quy luật tự do cạnh tranh trong kinh doanh. Một khi thương mại của người Việt phát triển sẽ giành lại lợi quyền ấy. Nhưng nếu để hải cảng Sài Gòn thành độc quyền của một công ty Pháp thì họ sẽ chi phối hoàn toàn thị trường lúa gạo ở Nam Kỳ. Đến khi Hội đồng Quản hạt Nam Kỳ bỏ phiếu thông qua, một số đại biểu của tư sản Việt Nam ở Nam Kỳ như Bùi Quang Chiêu, Nguyễn Phan Long, Nguyễn Tấn Dục, Trương Văn Bền..., lên tiếng phản đối. Thế nhưng, nghị quyết cho Công ty

Homberg độc quyền vẫn được thông qua. Chính vì thế, cuộc tranh đấu từ trong nghị trường đã lan ra ngoài xã hội. Lực lượng tư sản Việt Nam ở Nam Kỳ khởi xướng, tập hợp, lôi kéo nhiều lực lượng xã hội, nhất là tầng lớp tiểu tư sản thành thị tham gia; đẩy lên cuộc đấu tranh công khai phản đối quyết định trên của Hội đồng Quản hạt Nam Kỳ. Nhiều cuộc diễn thuyết, biểu tình diễn ra, tạo nên làn sóng phản đối mạnh mẽ. Trước tình hình đó, buộc thực dân Pháp hoãn việc thi hành nghị quyết của Hội đồng Quản hạt Nam Kỳ.

Có thể nói, thái độ phản ứng của tư sản Việt Nam ở Nam Kỳ với chính quyền thực dân Pháp không phải là sự cạnh tranh thông thường giữa một nhà tư sản Việt Nam với một nhà tư sản Pháp nữa, mà cuộc đấu tranh này đã diễn ra bằng ý thức của cả giai cấp tư sản, nhằm đối phó lại sự chèn ép của tư sản Pháp, bảo vệ quyền lợi cho giai cấp họ, đòi được tự do kinh doanh. Tất nhiên, sự phản ứng ấy còn yếu ớt vì sự nhỏ bé của tư sản Việt Nam so với tư sản Pháp, nhưng nó đánh dấu sự trưởng thành vượt bậc về ý thức chính trị cũng như phong trào yêu nước của tư sản Việt Nam ở Nam Kỳ nói riêng, tư sản Việt Nam trên cả nước nói chung. Và đây cũng là thắng lợi đầu tiên, duy nhất của tư sản Việt Nam trong cuộc đấu tranh giành quyền lợi kinh tế của giới tư sản Việt Nam thời Pháp thuộc.

Để góp phần vào cuộc thương chiến chống lại sự chèn ép của các thế lực tư sản ngoại quốc, tư sản Việt Nam ở Nam Kỳ còn đẩy mạnh cuộc vận động dùng hàng nội hóa, bài trừ hàng ngoại hóa. Bởi họ quan niệm: *“muốn chiếm lấy cái địa vị ưu thắng trong đường kinh tế lại cần thiết phải trọng quốc hóa, khinh hàng ngoại hóa mới được. Quốc hóa là đồ dùng trong nước ta tạo ra, ta phải trọng; ta trọng đồ nội hóa tức là trọng cái vận mạng của nòi giống ta vậy”*⁶ và dùng hàng nội hóa là góp phần vào thắng lợi của cuộc cạnh tranh trên thế giới. Họ cho rằng để người tiêu dùng có thái độ tốt với hàng nội hóa thì các nhà công thương phải lấy lòng trung thực làm đầu; đồng thời, phải tăng cường quảng bá cho các sản phẩm nội hóa. *“Sự buôn bán cần nhất cái tên hiệu mình, các hóa vật của hãng mình, có tiếng*

lan rộng đi khắp nơi, xa gần đâu đâu cũng biết, ai ai cũng nhớ. Như thế thì mới có thể tiêu thụ được nhiều hàng hóa, sự buôn bán mới hòng có cơ chống hưng thịnh được”.³

2.2.3. Đấu tranh đòi quyền lợi chính trị

Sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 - 1918), tư sản Việt Nam ở Nam Kỳ chẳng những biểu lộ ý thức giai cấp trong lĩnh vực kinh tế mà còn biểu lộ trong lĩnh vực chính trị và văn hóa, tư tưởng. Họ lên tiếng phải có cơ quan thương mại của người Việt, mở rộng sự tham gia của người Việt vào các cơ quan quản lý hành chính, kinh tế ở khu vực Nam Kỳ. Đặc biệt, họ muốn được tự do tham gia vào Hội đồng Quản hạt Nam Kỳ, muốn có hiến pháp như trong chế độ tư bản chủ nghĩa.

Phương tiện tư sản Việt Nam ở Nam Kỳ sử dụng để cổ vũ cho cuộc đấu tranh giành quyền lợi chính trị là báo chí. Tư sản Việt Nam ở Nam Kỳ tham gia tranh luận trên các tờ báo như *Lục tỉnh tân văn*, *Nông cổ mín đàm*, *Thực nghiệp dân báo*, *Hữu Thanh tạp chí*. Qua đó, họ hô hào chấn hưng thực nghiệp, phát triển kinh tế dân tộc, ngỏ ý ủng hộ cuộc đấu tranh đòi cải cách chính sách đối với những người kinh doanh ở Nam Kỳ. Đặc biệt, đề hoạch định đường lối và dẫn đạo cuộc đấu tranh đòi quyền lợi chính trị của giới mình, tư sản Việt Nam ở Nam Kỳ tiến tới thành lập đảng phái chính trị của giai cấp mình, đó là Đảng Lập hiến.

Đảng Lập hiến ra đời ở Nam Kỳ trong bối cảnh phong trào dân tộc dân chủ ở khu vực này và cả nước diễn ra sôi động; hoạt động của tư sản Việt Nam ở Nam Kỳ diễn ra trên nhiều phương diện, nhất là đấu tranh đòi quyền lợi kinh tế, chính trị và triển khai sâu rộng cuộc vận động chấn hưng thực nghiệp. Đảng này ra đời khoảng những năm 1923 - 1924. Thành phần của Đảng Lập hiến khá đa dạng, gồm các nhà công thương nghiệp, đại địa chủ, hưu quan..., và kể cả công chức lớp trên như kỹ sư, bác sĩ, tiêu biểu như Bùi Quang Chiêu, Nguyễn Phan Long, Trương Văn Bền, Phan Văn Trường... Gọi là đảng, nhưng thực chất nó không có hệ thống tổ chức. Người

ta chỉ thấy nó ở trên báo chí, trên danh sách tranh cử Hội đồng Quản hạt Nam Kỳ, Hội đồng thành phố, Phòng Thương mại - Canh nông... Nó cũng không có cương lĩnh chính trị, đường lối cách mạng rõ ràng.

Chủ trương của Đảng Lập hiến là đòi thực hiện một số cải cách dân chủ về chính trị như ban hành tự do, dân chủ, tăng số đại biểu người Việt ngang bằng với người Pháp trong các cơ quan dân cử, cơ quan thương mại, canh nông... Phương pháp đấu tranh ôn hòa, thỏa hiệp với chính quyền thực dân, chủ trương giành độc lập dân tộc thông qua việc duy tân. Địa bàn hoạt động của đảng này là các cuộc tuyển cử, báo chí, nghị trường. Đảng Lập hiến đã lên tiếng, thể hiện thái độ của mình đối với nhiều sự kiện, nhất là các cuộc đấu tranh đòi quyền lợi kinh tế của giới tư sản Việt Nam ở Nam Kỳ; đòi quyền lợi giáo dục cho người dân Nam Kỳ; thậm chí, cuối năm 1925, đích thân Bùi Quang Chiêu - một lãnh tụ của Đảng Lập hiến sang tận Pháp vận động chính giới Pháp, diễn thuyết và lên tiếng trên báo chí chính quốc đòi Chính phủ Pháp thi hành quyền tự do dân chủ ở Đông Dương. Thông qua Đảng Lập hiến và phương tiện báo chí, tư sản Việt Nam ở Nam Kỳ ít nhiều giành được quyền lợi về chính trị như được tham gia vào các cơ quan dân cử, cơ quan kinh tế và gia nhập "làng Tây" để hưởng quyền lợi chính trị của công dân có quốc tịch Pháp...

2.3. Vai trò của tư sản Việt Nam ở Nam Kỳ trong phong trào dân tộc dân chủ những năm 1919 - 1930

Ngày nay, các học giả đều thừa nhận lịch sử của phong trào yêu nước theo khuynh hướng tư sản ở Việt Nam bắt đầu từ đầu thế kỷ XX. Từ đó cho đến năm 1930 - khi phong trào yêu nước theo khuynh hướng tư sản suy yếu và dần lui tụt, quá trình phát triển của nó trải qua hai giai đoạn lịch sử rõ nét: từ đầu thế kỷ XX đến năm 1918 và 1919 - 1930. Trong đó, giai đoạn 1919 - 1930 đánh dấu sự chuyển biến mạnh mẽ của phong trào yêu nước theo khuynh hướng tư sản. Và nguyên nhân dẫn tới sự chuyển biến đó là do phong trào được khởi xướng, lãnh đạo bởi tư sản Việt Nam.

Sau năm 1919, tư sản Việt Nam trên cả nước nói chung và tư sản Việt Nam ở Nam Kỳ trường thành nhanh chóng về địa vị kinh tế. Lúc này, ý thức giai cấp của họ cũng hình thành. Và trước sự chèn ép của tư sản ngoại quốc mà trước hết là tư sản Pháp, sự đối xử bất bình đẳng của chính quyền thực dân, tư sản Việt Nam ở Nam Kỳ tỏ ra bức bối, phản ứng khá mạnh mẽ, dám lên tiếng bảo vệ và đòi các quyền lợi về kinh tế lẫn chính trị cho giới mình. Hơn thế nữa, thông qua báo chí với tư cách là cơ quan ngôn luận của giới tư sản Việt Nam, họ khởi xướng và cổ vũ cho hoạt động chấn hưng thực nghiệp; hô hào, kêu gọi những người trong giới đoàn kết lại, lập thành những hội đoàn nhằm tăng sức mạnh về kinh tế lẫn tiếng nói trước chính quyền thực dân. Đồng thời, cũng như tư sản ở các khu vực khác, tư sản Việt Nam ở Nam Kỳ không giấu tham vọng muốn trở thành giai cấp nắm ngọn cờ lãnh đạo phong trào dân tộc dân chủ.

Trước hết, có thể thấy cuộc vận động chấn hưng thực nghiệp của tư sản Việt Nam ở Nam Kỳ như là sự kế thừa và tiếp nối hoạt động chấn hưng thực nghiệp do tầng lớp sĩ phu tiền bối khởi xướng ở Nam Kỳ những năm đầu thế kỷ XX. Mục đích hướng tới đều nhằm làm đòn bẩy thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế trong khu vực Nam Kỳ. Thông qua cuộc vận động chấn hưng thực nghiệp, xuất hiện ngày càng nhiều cơ sở kinh doanh do người Việt làm chủ, góp phần đã phá tư duy kinh tế cũ, nâng tiềm lực kinh tế của tư sản Việt Nam ở Nam Kỳ lên một bước, đồng thời góp phần cải thiện đời sống của một bộ phận dân cư trong khu vực. Ở phương diện đó, ít nhiều tư sản Việt Nam ở Nam Kỳ thể hiện được ý thức dân tộc, quan tâm đến vận mệnh dân tộc ở góc độ kinh tế, phản bác lại sự coi thường khả năng kinh doanh của người Việt của tư sản nước ngoài, nhất là tư sản Pháp.

Không những thế, thông qua cuộc vận động chấn hưng thực nghiệp và các cuộc đấu tranh đòi quyền lợi về kinh tế, tư sản Việt Nam ở Nam Kỳ cùng với giới tư sản trên cả nước kiến tạo nền văn hóa kinh doanh mới - văn hóa

kinh doanh có tính hiện đại ở khu vực Nam Kỳ và trên bình diện cả nước. Nền văn hóa kinh doanh do tư sản Việt Nam ở Nam Kỳ cùng tư sản trên cả nước tạo ra ở những thập niên đầu thế kỷ XX là tổng hòa của hệ thống triết lý tư tưởng kinh doanh, hệ thống giá trị đạo đức và trách nhiệm xã hội, hệ thống thực hành văn hóa kinh doanh và hệ thống nhân cách của người kinh doanh. Trong đó nổi lên triết lý kinh doanh gắn liền với duy tân đất nước, giành lại độc lập dân tộc, khẳng định bản lĩnh của người Việt trong cạnh tranh với tư sản nước ngoài. Hệ thống những giá trị chuẩn mực đạo đức và trách nhiệm xã hội của người kinh doanh, doanh nghiệp mang phẩm chất truyền thống của dân tộc Việt Nam “chia ngọt sẻ bùi”, “thương người như thể thương thân” kết hợp với quy tắc làm giàu chính đáng, thực hiện pháp luật vốn được coi là yếu tố mới mẻ trong xã hội Việt Nam. Hệ thống thực hành văn hóa kinh doanh tiếp cận với nghệ thuật kinh doanh và tiến bộ khoa học kỹ thuật hiện đại. Và hệ thống nhân cách người kinh doanh mang giá trị văn hóa dân tộc kết hợp tư tưởng phương Tây tiến bộ. Qua đó, các yếu tố của một nền, một kiểu văn hóa kinh doanh bước đầu hình thành và được thử thách trong thực tiễn.

Các cuộc đấu tranh bảo vệ lợi ích về kinh tế, chính trị của tư sản Việt Nam ở Nam Kỳ với tư cách là một lực lượng yêu nước đấu tranh vì lợi ích giai cấp và phần nào cũng vì lợi ích dân tộc đã lôi kéo được các thành phần xã hội khác hưởng ứng theo, nhất là các tầng lớp tiểu tư sản; ít nhiều ảnh hưởng, hòa nhịp với phong trào đòi tự do dân chủ sôi nổi ở trong nước cùng thời. Nhất là trong bối cảnh phong trào cách mạng Việt Nam chĩa mũi nhọn đấu tranh vào kẻ thù chung của dân tộc là thực dân Pháp và trong điều kiện chính đảng của giai cấp công nhân chưa ra đời, thì việc Đảng Lập hiến yêu sách quyền lợi, công kích một số nhà tư sản Pháp dù với mục đích nào, với hình thức và mức độ nào cũng có lợi cho phong trào cách mạng nói chung. Điều đó tạo nên sự chuyển biến mạnh mẽ của phong trào yêu nước theo khuynh hướng tư sản nói riêng

và phong trào dân tộc dân chủ nói chung; góp phần “cày xới miếng đất màu mỡ”, xác lập môi trường chính trị bên trong để Nguyễn Ái Quốc và những người cộng sản Việt Nam truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin, “gieo hạt mầm chủ nghĩa cộng sản”, dẫn tới sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam đầu năm 1930. Đúng như nhận xét của Lê Duẩn: “Do bị đế quốc chèn ép, giai cấp tư sản dân tộc cũng có mặt yêu nước. Trong sự nghiệp giải phóng của toàn dân tộc, họ đã có những đóng góp nhất định”¹⁰.

3. KẾT LUẬN

Trong những năm 1919 - 1930, tư sản Việt Nam ở Nam Kỳ tham gia khá tích cực vào phong trào dân tộc dân chủ, với tư cách là một lực lượng yêu nước - cách mạng. Quá trình đó bắt đầu từ sự hưởng ứng các cuộc vận động chấn hưng thực nghiệp, ưu tiên dùng hàng nội hóa, đến những hành động đấu tranh đòi quyền lợi về chính trị. Kết quả của những hoạt động đó của tư sản Việt Nam ở Nam Kỳ có vai trò không nhỏ đối với bước chuyển biến của phong trào dân tộc dân chủ những năm sau Chiến tranh thế giới thứ nhất.

Hoạt động của tư sản Việt Nam ở Nam Kỳ trong phong trào dân tộc dân chủ có phần rầm rộ hơn so với tư sản Việt Nam ở Trung Kỳ. Điều đó thể hiện rõ nét ở vai trò “khởi xướng” các cuộc đấu tranh trên phương diện kinh tế, chính trị đến sự thành lập đảng phái chính trị đại diện cho lợi ích giai cấp tư sản Việt Nam. Đảng Lập hiến được xem như là tổ chức chính trị đại diện cho giới tư sản Việt Nam ở Nam Kỳ. Tiếng nói của nó phản ánh nguyện vọng và tư tưởng chính trị của tư sản Việt Nam ở khu vực này. Thông qua tổ chức đảng này, tư sản Việt Nam có nhiều hoạt động sôi nổi, nhất là thực hiện cuộc vận động tranh cử vào Hội đồng quản hạt Nam Kỳ, Hội đồng thành phố...

Tuy nhiên, do địa vị kinh tế thấp kém, nhỏ bé và có mối liên hệ kinh tế với đế quốc, phong kiến, nên hoạt động của tư sản Việt Nam ở Nam Kỳ trong phong trào dân tộc dân chủ có

nhiều hạn chế và không thể trở thành giai cấp lãnh đạo cách mạng. Dù đã thành lập được một đảng chính trị của giới mình, nhưng đảng này lại không đề ra được một đường lối cách mạng đúng đắn, không lôi cuốn giai cấp nông dân liên minh với nó nên tư sản Việt Nam ở Nam Kỳ không thể và không đủ khả năng lãnh đạo phong trào cách mạng. Bản thân Đảng Lập hiến, cho đến lúc nó “biến chất” vẫn chưa xây dựng được cương lĩnh chính trị của mình. Thực tế lịch sử đã chứng minh rằng trước khi đảng của giai cấp công nhân ra đời, nắm quyền lãnh đạo cách mạng Việt Nam, giai cấp tư sản Việt Nam nói chung và tư sản Việt Nam ở Nam Kỳ nói riêng không thể hoàn thành được cuộc cách mạng dân tộc dân chủ, thậm chí cũng không xác định chính xác nhiệm vụ của cuộc cách mạng này là gì.

Dẫu vậy, tư sản Việt Nam ở Nam Kỳ đã làm sứ mạng dân tộc đúng với khả năng của họ. Sứ mạng ấy gồm cả mặt kinh tế và mặt chính trị. Các hoạt động trong phong trào dân tộc dân chủ mà cụ thể là các cuộc đấu tranh giành quyền lợi kinh tế, chính trị với thực dân phong kiến, nhất là hoạt động chấn hưng công thương nghiệp phần nào đã hỗ trợ các hoạt động yêu nước, phát triển nền kinh tế dân tộc theo hướng tư bản chủ nghĩa, đẩy lùi nền kinh tế cổ truyền, lạc hậu ra phía sau. Trên một phương diện nào đó, tiếng vang của các phong trào dân tộc dân chủ những năm 1919 - 1930 có phần đóng góp của tư sản Việt Nam ở Nam Kỳ. Bản thân bộ phận tư sản dân tộc ở Nam Kỳ có tinh thần dân tộc, có tinh thần cách mạng. Do đó, Trường Chinh đã đúng khi cho rằng trong điều kiện nhất định của cách mạng dân tộc dân chủ, tư sản Việt Nam là một trong những động lực cách mạng và là bạn đồng minh của cách mạng và Nguyễn Ái Quốc hoàn toàn có lý khi trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên

xác định bộ phận tư sản dân tộc là một lực lượng cần lôi kéo, lợi dụng trong quá trình tiến hành cách mạng. Phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản bắt đầu từ đầu thế kỷ XX và chấm dứt vào năm 1930 giống như dấu gạch nối của phong trào yêu nước cuối thế kỷ XIX với phong trào cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam bắt đầu từ năm 1930.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Công Bình. Tình hình và đặc tính của giai cấp tư sản Việt Nam, *Tập san nghiên cứu Văn Sử Địa*, **1958**, (4), 27-45.
2. Nguyễn Công Bình. Tình hình và đặc tính của giai cấp tư sản Việt Nam, *Tập san nghiên cứu Văn Sử Địa*, **1958**, (43), 40-64.
3. Trần Viết Nghĩa. Hoạt động chấn hưng thực nghiệp của tư sản Việt Nam đầu thế kỷ XX, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, **2008**, (7), 23-33.
4. Nguyễn Công Bình. *Tìm hiểu giai cấp tư sản Việt Nam thời Pháp thuộc*, Nxb Văn Sử Địa, Hà Nội, 1959.
5. Nguyễn Chánh Sắt, Chồng lại khách trú, *Nông cổ mín đàm*, **1919**, (127), 1.
6. Muốn nước giàu dân thịnh kíp dùng đồ nội hóa, *Lục tỉnh Tân văn*, **1922**, 1.
7. Đoàn Võ Cạng. Khách trú khi ta, *Lục tỉnh tân văn*, **1919**, (658), 1.
8. Mộng Huê Lầu. Khách trú thị nhục ta - đồng bang mau thức dậy, *Lục tỉnh tân văn*, **1919**, (659), 1.
9. Dương Trung Quốc. *Việt Nam những sự kiện lịch sử (1919 - 1945)*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2000.
10. Lê Duẩn. *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập, tự do, vì chủ nghĩa xã hội tiến lên giành những thắng lợi mới*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1972.